

Số ~~1999~~ /KLTTTr-ĐCKS

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2016

KẾT LUẬN THANH TRA

VỀ VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG Khai thác, sử dụng đá vôi vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối làm ốp lát, mỹ nghệ của Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Thành

Thực hiện Quyết định số 609/QĐ-ĐCKS ngày 29/7/2016 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan trong hoạt động khai thác, sử dụng đá vôi vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT) có thu hồi đá khối làm ốp lát tại tỉnh Ninh Bình; từ ngày 22 đến ngày 23/8/2016 và ngày 25/8/2016, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra hoạt động khai thác khoáng sản của Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Tuấn Thành tại khu vực Thung Trẽ Dưới thuộc xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình theo Giấy phép số 42/GP-UBND ngày 27/6/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cấp.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/9/2016 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. DNTN Tuấn Thành (địa chỉ: thôn Nội, xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, điện thoại 0913261469) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh DNTN mã số doanh nghiệp 09-01-000.014, đăng ký lần đầu ngày 04/4/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23/4/2008 trong đó có khai thác đá, đá nguyên khối.

2. Doanh nghiệp đang khai thác đá vôi tại Thung Trẽ Dưới thuộc xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình theo Giấy phép số 42/GP-UBND ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cho phép khai thác đá vôi làm VLXD TT và tuyển lựa đá khối phục vụ cho làng nghề đá Ninh Vân và được điều chỉnh tại Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 28/11/2014. Cụ thể như sau:

- Diện tích khai thác: 10,2 ha.
- Trữ lượng mỏ: 3.908.069 m³, trong đó đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 3.321.859 m³, đá khối tuyển lựa phục vụ cho làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân: 586.210 m³.
- Công suất khai thác: 160.000 m³/năm.
- Sản phẩm khai thác: đá làm VLXD TT và tuyển lựa đá khối phục vụ cho làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.
- Cột cao đáy khai trường kết thúc ở độ cao 0 mét.

- Thời hạn khai thác: 20 năm kể từ tháng 5/2011 đến tháng 5/2031.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Về lĩnh vực khoáng sản

- Đã thực hiện cắm mốc khu vực được phép khai thác tại thực địa.

- Đã lập thiết kế mỏ và phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-DN ngày 27/12/2014 của Giám đốc doanh nghiệp (các bản vẽ thiết kế thi công lập đến năm 2019); đã nộp thiết kế mỏ và quyết định phê duyệt về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình.

- Đã bổ nhiệm ông Trương Hữu Đàm làm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 06/QĐ-GĐ ngày 25/8/2015; đã gửi hồ sơ và quyết định bổ nhiệm về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình.

- Kết quả hoạt động khai thác.

Sản lượng	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	đến 6/2016	Ghi chú
Nguyên khai	m ³	92.098	138.720	140.237	49.496	
Làm VLXDTT	m ³	92.098	138.720	138.621	49.496	
Làm đá ốp lát	m ³	-	-	-	-	
Đá tuyển lựa cho mỹ nghệ	m ³	-	-	1.616	-	

Tỷ lệ thu hồi đá mỹ nghệ (1.616/140.237): 1,15%. Tỷ lệ tổn thất trong hoạt động khai thác: không (sử dụng hết sản phẩm khai thác).

- Thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đang tổ chức hoạt động khai thác tại phần trung tâm và phần phía Tây, trong diện tích được cấp phép khai thác. Hệ thống khai thác lớp xiên cắt tầng nhỏ, khấu suốt đến cốt mặt bằng địa phương; đang phát tuyến làm đường lên đỉnh. Sản phẩm khai thác được vận chuyển hết bằng ô tô ra trạm nghiền. Mỏ không sử dụng bãi đổ thải. Tuy nhiên, một số vị trí sau nổ mìn còn hiện tượng đá treo nhưng chưa xử lý, đưa về trạng thái an toàn.

- Đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ hoạt động khai thác, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản (năm 2014, 2015) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng chưa cụ thể, chi tiết số liệu theo các khối trữ lượng được cấp phép khai thác.

- Đã lập bản đồ hiện trạng (năm 2014, 2015) thể hiện ranh giới cấp phép khai thác, vị trí khai thác, trạm điện, đường vận tải, trạm nghiền, bãi chứa sản phẩm, nhà điều hành; chưa thể hiện các khối trữ lượng, tuyến và vị trí các công trình thăm dò, thông số của hệ thống khai thác. Bản đồ chưa có tỷ lệ, chỉ dẫn.

Bản vẽ mặt cắt hiện trạng thể hiện đường địa hình, tầng khai thác; chưa thể hiện các khối trữ lượng, thông số của hệ thống khai thác. Bản vẽ chưa có tỷ lệ, chỉ dẫn; tuyến mặt cắt chưa trùng với các tuyến công trình đã thăm dò.

2. Về lĩnh vực khác liên quan

- Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: có Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, thời hạn đến ngày 30/11/2016.

- Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

+ Dự án khai thác mỏ Thung Trễ Dưới có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình phê duyệt tại Quyết định số 75/QĐ-STNMT ngày 16/5/2011; có Dự án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 73/QĐ-STNMT ngày 16/5/2011.

+ Doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường năm 2014: 01 lần/năm (tháng 5/2014), năm 2015: 01 lần (tháng 01/2015); 6 tháng đầu 2016: 01 lần (tháng 3/2016). Kết quả quan trắc các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn quy định (riêng chỉ tiêu BOD5 nước mặt đo tháng 5/2014 là 27/25, tháng 3/2016 là 27,5/25). Tuy nhiên tần suất quan trắc đã thực hiện chưa phù hợp với ĐTM.

- **Về lĩnh vực đất đai:** có Hợp đồng thuê đất số 34/HĐ-TĐ ngày 04/7/2012 với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình; diện tích đất khai thác đá: 96.335,6 m², bãi khai thác: 22.143 m², làm hồ lắng: 5.500 m². Thời hạn thuê đất: đến hết tháng 05/2031.

- **Về lĩnh vực tài nguyên nước:** Hoạt động khai thác không sử dụng tài nguyên nước.

- **Các nghĩa vụ tài chính:** Từ năm 2014 đến hết tháng 5/2016 doanh nghiệp đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 2.954.976.000 đồng, thuế tài nguyên: 1.377.491.000 đồng, phí bảo vệ môi trường: 1.345.400.000 đồng, thuê đất: 551.783.000 đồng. Về tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, năm 2011 doanh nghiệp có ký quỹ số tiền 103.500.000 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Doanh nghiệp chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản gồm các nội dung: thực hiện cấm mốc khu vực được phép khai thác tại thực địa; lập, phê duyệt và nộp thiết kế mỏ; bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; lập và gửi báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo thống kê kiểm kê trữ lượng khoáng sản; lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; quan trắc và giám sát môi trường; ký hợp đồng thuê đất; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nộp thuế tài nguyên và tiền thuê đất.

2. Những tồn tại, vi phạm trong hoạt động khoáng sản

a) Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng chưa cụ thể, chi tiết số liệu theo các khối trữ lượng được cấp phép khai thác.

b) Bản đồ hiện trạng chưa thể hiện khối trữ lượng, tuyến và vị trí các công trình thăm dò, thông số của hệ thống khai thác và chưa có tỷ lệ bản đồ, chỉ dẫn theo quy định.

Bản vẽ mặt cắt hiện trạng chưa thể hiện các khối trữ lượng, thông số của hệ thống khai thác và chưa có tỷ lệ, chỉ dẫn theo quy định; tuyến mặt cắt chưa trùng với các tuyến công trình đã thăm dò.

c) Chưa ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường hoạt động khai thác khoáng sản; chưa quan trắc môi trường đúng tần suất quy định trong ĐTM.

d) Một số vị trí sau nổ mìn có đá treo nhưng chưa xử lý đưa moong khai

thác về trạng thái an toàn.

Về các tồn tại vi phạm, DNTN Tuấn Thành có giải trình nội dung liên quan, nguyên nhân và cam kết khắc phục tại Biên bản thanh tra. Xét nội dung giải trình là chưa hiểu đúng về yêu cầu của việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng và báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, Đoàn thanh tra đã kiến nghị Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam không xử lý vi phạm hành chính đối với nội dung trên.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với DNTN Tuấn Thành

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, trong đó có tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

b) Thường xuyên kiểm tra, xử lý đá treo sau nổ mìn và vị trí có nguy cơ mất an toàn để bảo đảm an toàn trước khi cho phép người và thiết bị vào làm việc.

c) Thường xuyên kiểm tra hiện trạng các mốc giới khu vực khai thác, đảm bảo không để vùi lấp, hư hỏng; hàng năm thực hiện Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng mẫu quy định tại Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012; lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại ĐTM và Dự án đầu tư cải tạo phục hồi môi trường mỏ đá vôi Thung Trề Dưới, xã Ninh Vân. Việc thu hồi đá khối làm đá mỹ nghệ, làm đá ốp lát phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi thực hiện.

Sau 90 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, doanh nghiệp phải có báo cáo bằng văn bản kết quả khắc phục gửi về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chỉ đạo các Sở, ban ngành liên quan theo dõi, đôn đốc việc khắc phục của doanh nghiệp đối với các tồn tại, vi phạm trong hoạt động khoáng sản. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định./.

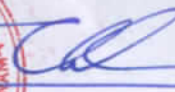
Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở TNMT tỉnh Ninh Bình;
- DNTN Tuấn Thành;
- Lưu VP, KSMB, M (10).

 cho

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**




Lại Hồng Thanh